

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/ DS - ST
Ngày: 04/8/2023.
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ - TỈNH HƯNG YÊN.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Vũ Minh Đón.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên toà: Ông Tạ H1g Minh Thế.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953 (có mặt).

Bà Đ ủy quyền cho anh Bùi Văn D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn T, xã YP, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Người bảo vệ quyền - lợi ích hợp cho bà Nguyễn Thị Đ: Luật sư Nguyễn Thanh H - Công ty Luật TNHH quốc tế HT và ĐN, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: LK 9 - 38 Tổng cục 5, xã T – huyện TT - Hà Nội

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Hải H1, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã YP, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

3/ Những người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã YP, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn O, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

4/ Những người làm chứng:

4.1 Cụ Đỗ Xuân C, sinh năm 1935

4.2 Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952

4.3 Ông Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1953

4.4 Bà Vũ Thị Qua, sinh năm 1957

- 4.5 Ông Nguyễn Song C1 sinh năm 1958
4.6 Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1968
4.7 Bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1969
4.8 Ông Đỗ Ngọc L, sinh năm 1975
4.9 Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1976
4.10 Chị Tạ Thị T, sinh năm 1981
4.11 Chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1989
4.12 Chị Phạm Thị H3, sinh năm 2001
4.13 Chị Phạm Thị Kiều H4, sinh năm 2003
Đều trú tại: Thôn T, xã YP, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/ 11/ 2022; 07/ 12/ 2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Mẹ bà là cụ Đỗ Thị Nghi mất năm 2021, bố bà là cụ Nguyễn Văn K mất năm 1954 hai cụ sinh được 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị N, bà - Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Hải H1 và bà Nguyễn Thị M2. Bố bà quê ở huyện V. Sau khi bố bà mất thì mẹ bà đưa chị em bà về quê xã YP, huyện Y sinh sống, do không có chỗ ở nên địa phương đã cấp cho một suất đất, cấp trước năm 1980, vì vậy tại bản đồ 299 lập năm 1980, thửa 260 diện tích 620m² mẹ bà là Đỗ Thị N1 đứng tên quyền sử dụng. Sau khi được cấp đất mẹ bà có làm ngôi nhà cấp 4 để gia đình sinh sống, hiện ngôi nhà cấp 4 vẫn còn. Ông Nguyễn Hải H1 là con trai duy nhất, mẹ bà đã tách cho ông H1 hơn nửa thửa đất, nên tại tờ bản đồ số 02, lập năm 1993, thửa 260 diện tích 236m² do mẹ bà đứng tên quyền sử dụng, thửa 261 diện tích 365m² do ông Nguyễn Hải H1 đứng tên quyền sử dụng, năm 1996 mẹ bà và ông H1 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mẹ bà sinh sống trong ngôi nhà cấp bốn cùng vợ chồng ông H1, nhưng ăn riêng. Năm 2010 ông H1 mâu thuẫn với mẹ và chị em bà trong việc chăm sóc, phụng dưỡng mẹ, nên mẹ bà đã làm đơn ra Ủy ban nhân dân xã Y, xã đã báo gọi nhiều lần để hòa giải, nhưng ông H1 không nhận trách nhiệm chăm sóc cụ N1 nên bà đã đứng ra nhận trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cụ N1,

Do mẹ bà đã phân chia đất cho ông H1, nhưng ông H1 không chăm sóc, phụng dưỡng, thửa đất số 260 của mẹ bà ông H1 sử dụng, mẹ bà sợ khi mất đi thì ông H1 sẽ chiếm toàn bộ, nên năm 2011 mẹ bà đã đến Ủy ban nhân dân xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ lập di chúc cho bà hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất số 260.

Năm 2021 mẹ bà chết, tất cả chị em bà tập trung làm mai táng cho mẹ, bà có đóng góp 3.000.0000 đồng cho ông H1. Nay bà đề nghị Tòa án phân chia thừa kế thừa đất số 260 theo như di chúc của mẹ bà để lại.

Bị đơn ông Nguyễn Hải H1 trình bày.

Ông xác nhận quan hệ huyết thống, nguồn gốc thừa đất 260 như Bà Đ trình bày là đúng. Việc mẹ ông lập di chúc cho Bà Đ toàn bộ thừa đất số 260 khi nào ông không biết, sau khi mẹ ông chết được 100 ngày thì Bà Đ đưa ra bản di chúc và đòi đất thì ông mới biết. Theo nội dung di chúc Bà Đ phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng mẹ ông cho đến khi mất, khi mất phải cùng ông làm ma và thờ cúng, nhưng Bà Đ không thực hiện được, cụ thể ngày 01/8/2017 Bà Đ giao cụ N1 cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không chăm sóc mẹ nữa, trước đó Bà Đ bán suất đất nông nghiệp của cụ N1 để thuê người ở chăm sóc mẹ, có lời khai ông H1 trình bày ông là người bán ruộng của cụ N1 được 70.000.000đồng đã chi phí mai táng hết.

Mẹ ông lập di chúc có điều kiện, nhưng Bà Đ không thực hiện được điều kiện của mẹ ông, do vậy không nhất trí chia thừa kế thừa đất 260 theo di chúc, ông đề nghị chia theo pháp luật, ông đã được mẹ chia cho đất nên không yêu cầu hưởng thừa kế ở thừa 260, do vậy ông đề nghị chia thừa 260 làm hai phần cho Bà Đ và bà N được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Nguyễn Thị N trình bày. Bà xác nhận quan hệ huyết thống và nguồn gốc thừa đất 260 như bà Đ, ông H1 trình bày là đúng.

Năm 2010 mẹ bà đã họp gia đình và tuyên bố chia thừa đất 260 cho ba người con gái là bà (N), Bà Đ và bà M, do mẹ bà đang mạnh khỏe nên mọi người để bà mẹ sử dụng, khi nào mẹ mất thì ba chị em bà tự phân chia, việc họp và phân chia mẹ bà chỉ nói miệng, không lập văn bản giấy tờ gì.

Mẹ bà lập di chúc cho Bà Đ toàn bộ thừa đất số 260 khi nào bà không biết. Di chúc của mẹ bà có điều kiện, nhưng Bà Đ không thực hiện, toàn bộ việc chăm sóc cụ N1 đều do ông H1, do vậy bà không nhất trí chia thừa kế thừa 260 theo di chúc, bà đề nghị chia theo pháp luật, chia làm hai phần cho bà và bà Đ, vì ông H1 và bà M không lấy, bà đề nghị được hưởng bằng đất.

Bà Nguyễn Thị M2 trình bày: Bà xác nhận quan hệ huyết thống và nguồn gốc thừa đất số 260 như bà Đ, ông H1, bà N trình bày là đúng. Năm 2010 ông H1 có mâu thuẫn với cụ N1 không nhận trách nhiệm chăm sóc cụ N1 nên cụ N1 đã làm đơn ra Ủy ban nhân dân xã YP đề nghị giải quyết, tại xã ông H1 không nhận trách nhiệm, nên Bà

Đ đã nhận nuôi dưỡng chăm sóc, phụng dưỡng cụ N1 do vậy cụ N1 đã lập di chúc cho Bà Đ hưởng toàn bộ thừa đất 260. Bà Đ đã chăm sóc cụ N1 đúng theo di chúc. Chính ông H1 là người bán một phần ruộng của cụ N1 được 70.000.000 đồng và đã tự sử dụng hết số tiền này, không phải Bà Đ bán ruộng. Do vậy bà đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của bà Đ, chia thừa kế thừa đất số 260 theo như di chúc của mẹ bà để lại, nếu di chúc không hợp pháp, Toà án chia theo pháp luật thì bà không yêu cầu hưởng thừa kế thừa 260.

Những người làm chứng:

Cụ Đỗ Xuân C cung cấp: Khi còn sống cụ N1 sinh sống trong ngôi nhà cấp cũ cùng vợ chồng ông H1, nhưng cụ ăn riêng. Khi ông H1 xây ngôi nhà mái bằng bên cạnh, thì ông H1 ở nhà mái bằng, còn cụ N1 vẫn ở ngôi nhà cấp bốn cũ, do ông H1 không chăm sóc, nên Bà Đ ở liền kề đã chăm sóc cụ N1 mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày, tắm rửa, vệ sinh, thuốc men khi ốm đau đều do mẹ con Bà Đ lo cho cụ N1.

Bà Nguyễn Thị V cung cấp: Cụ N1 sinh sống cùng nhà ông H1 nhưng ăn riêng, khi cụ N1 chết, ông H1 đứng ra lo mai táng, còn cụ thể các con đóng góp như nào bà không biết.

Ông Nguyễn Mạnh H2 cung cấp: Vì ở gần xóm, nên thường xuyên sang cụ N1 chơi, thấy mẹ con Bà Đ tắm rửa vệ sinh cho cụ N1 hàng ngày, chưa bao giờ ông thấy cụ N1 phàn nàn gì về bà Đ, Bà Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người con với mẹ.

Bà Vũ Thị Qua trình bày: Bà hay đến nhà Bà Đ chơi, lần nào đến cũng thấy Bà Đ lo cơm nước cho cụ N1,

Ông Nguyễn Song Chuyên cung cấp: Ông là hàng xóm của cụ N1 khi cụ N1 còn sống có mâu thuẫn với ông H1 nhưng không đến mức trầm trọng, bà có thấy Bà Đ bê canh và đồ ăn sang cho cụ N1,

Ông Nguyễn Văn C2 cung cấp: Ông là người cùng xóm với cụ N1 khi còn sống cụ N1 sinh sống trong ngôi nhà cấp bốn cũ, còn cụ ăn chung hay ăn riêng thì ông không biết, khi ốm đau các con cùng chăm sóc, khi cụ N1 chết ông H1 đứng ra làm ma, còn các con đóng góp như nào thì ông không biết

Bà Nguyễn Thị Th cung cấp: Bà bán hàng tạp hoá, Bà Đ hay mua bím và sữa của bà về cho cụ N1 lần nào mua Bà Đ vội vàng về chăm lo cho cụ N1 theo bà thì Bà Đ chăm sóc đầy đủ cho cụ N1 không có bất cứ điều tiếng gì.

Ông Đỗ Ngọc L cung cấp: Khi cụ N1 còn khoẻ thì cụ ở một mình tại ngôi nhà cấp bốn, ông có thấy Bà Đ sang chăm sóc cụ N1 quá trình sinh sống cụ N1 có mâu thuẫn với ông H1.

Chị Nguyễn Thị C3 cung cấp: Nhà chị có bán gạo, Bà Đ hay mua gạo của bà cho cụ N1,

Chị Tạ Thị T cung cấp: Chị bán hàng tạp hoá, Bà Đ và các con hay mua đồ dùng sinh hoạt của bà cho cụ N1 mọi người trong xóm đều biết Bà Đ là người chăm sóc cụ N1 hàng ngày.

Chị Nguyễn Thị M2 cung cấp: Chị có cửa hàng thuốc, Bà Đ thường mua thuốc bổ và thực phẩm chức năng ở cửa hàng của chị cho cụ N1,

Chị Phạm Thị H3 và chị Phạm Thị Kiều H4 cung cấp: Các chị là chất của cụ N1 khi cụ N1 còn sống thì cụ ở riêng một mình trong ngôi nhà cấp bốn, toàn bộ chi phí sinh hoạt hàng ngày đều do Bà Đ lo liệu cho cụ N1 ngày nào Bà Đ đi vắng thì Bà Đ bảo mẹ và các chị mang cơm và thức ăn cho cụ N1 khi cụ N1 ốm thì đều do Bà Đ và mẹ các chị và các chị chăm sóc,

Kết quả xác minh.

Cụ Đỗ Thị N1 mất năm 2001 và cụ Nguyễn Văn K mất năm 1953 hai cụ sinh được 03 người con gồm: Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Hải H1, sau khi cụ K mất, cụ N1 sinh một người con riêng là bà Nguyễn Thị M2.

Trước năm 1980 cụ N1 được chính quyền địa phương cấp cho một thửa đất, theo bản đồ 299 lập năm 1980, thửa 260 diện tích 620m² do cụ Đỗ Thị N1 đứng tên quyền sử dụng. Quá trình sử dụng đất cụ N1 đã tách cho con trai là ông Nguyễn Hải H1 một phần diện tích đất, nên theo bản đồ lập năm 1993, tờ bản đồ số 02 thì thửa 260 diện tích 236m² do cụ Đỗ Thị N1 đứng tên quyền sử dụng, thửa 261 diện tích 365m² do ông Nguyễn Hải H1 đứng tên quyền sử dụng, năm 1996 cụ N1 và ông H1 đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữa hai thửa đất không có mốc giới.

Khi các con trưởng thành lấy vợ, lấy chồng cụ N1 sinh sống một mình, vào khoảng năm 2010 - 2011 gia đình cụ N1 phát sinh mâu thuẫn trong việc chăm sóc cụ N1 Ủy ban nhân dân xã YP đã phân tích hòa giải, Bà Đ đứng ra nhận trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cụ N1, Năm 2011 cụ N1 lập di chúc cho bà Nguyễn Thị Đ được hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất 260 của cụ.

Theo bản đồ lập năm 2005 và 2015 tờ bản đồ số 26 và kết quả trích đo hiện trạng, thửa 106 diện tích 307m² do cụ Đỗ Thị N1 đứng tên quyền sử dụng, tăng 71m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1996, lý do tăng do gia đình chỉ mốc giới khi đo đạc sang phần đất của ông Nguyễn Hải H1 25m² và lấn phần đường đi của xóm (do thay đổi quy hoạch sử dụng đất, đường đi của xóm không sử dụng, chuyển về phía trước thửa đất), thửa 107 diện tích 340m² do ông Nguyễn Hải H1 đứng tên, giảm so với giấy chứng nhận cấp năm 1996 là 25m² do thửa 106 lấn sang.

Quan điểm của địa phương, hai thửa 260 và 261 đều đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, đề nghị Tòa án căn cứ vào diện tích theo giấy chứng nhận để giải quyết cho các đương sự. Di chúc của cụ N1 được lập tại UBND xã Yên Phú, do cán bộ tư pháp xã soạn thảo, nội dung theo theo ý nguyện của cụ N1 nên địa phương đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, phân chia thừa kế thửa đất số 260 theo di chúc, đối với diện tích 45m² thửa ở thửa 106 đề nghị tạm giao cho bà Đ, khi nào địa phương cần sử dụng thì Bà Đ phải trả lại, nếu địa phương không sử dụng, Bà Đ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất thì phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần đất thửa này.

Các đương sự cùng thỏa thuận giá trị quyền sử dụng đất 2.000.000 đồng/1m², tường rào ở phía đông thửa 260 do ông H1 xây, các đương sự thỏa thuận giá trị 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Năm 2010 gia đình có mâu thuẫn trong việc chăm sóc, phụng dưỡng mẹ, Ủy ban nhân dân xã YP hòa giải nhiều lần, nhưng

ông H1 không nhận trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng, do vậy bà đã nhận trách nhiệm chăm lo mẹ cho đến khi mất, vì vậy năm 2011 theo yêu cầu của cụ N1 bà đã đưa cụ N1 ra UBND xã YP để cụ N1 lập di chúc. Bản di chúc ngày 24/8/2021 được lập tại UBND xã Yên Phú, do ông H1 khi đó làm cán bộ tư pháp xã đã soạn thảo di chúc theo yêu cầu của mẹ bà. Ông H1 bà N trình bày không biết mẹ bà lập di chúc là H1 toàn không đúng, ngay những năm 2011, 2012 ông H1, bà N đã yêu cầu mẹ con bà cho xem bản di chúc, nhưng mẹ bà không đồng ý cho xem. Ông H1 là người trực tiếp bán một phần ruộng của mẹ bà được 70.000.000 đồng đã chi tiêu hết. Bà đã thực hiện trọn vẹn việc chăm sóc, phụng dưỡng cụ N1 theo như nội dung bản di chúc. Khi cụ N1 chết, ông H1 là con trai duy nhất đứng ra làm mai táng cho mẹ, bà đóng góp 3.000.000 đồng cho ông H1. Bà đề nghị Tòa án phân chia thừa kế thừa 260 theo di chúc. Thừa 260 và 261 không có mốc giới phân định, do vậy năm 2015 khi đo đạc lập bản đồ Vilap gia đình đã xác định mốc giới không đúng, nên thửa đất của mẹ bà có lấn sang thửa đất của ông H1 25m², bà đề nghị cắt trả lại cho ông H1 đủ 365m², diện tích còn lại phân chia cho bà được hưởng.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX. việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX. không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại các Điều 70; 71; 72; 78 Bộ luật tố tụng dân sự. người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70; 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hiệu khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện còn thời hiệu theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 là bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Hải H1, bà Nguyễn Thị M2.

Về di sản thừa kế: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 26 diện tích 307m² là tài sản riêng của cụ N1,

Xét tính hợp pháp của di chúc.

Về hình thức: Di chúc đã lập thành văn bản và được chứng thực tại UBND cấp xã theo đúng thẩm quyền.

Cụ N1 không biết chữ. Di chúc phải do người làm chứng lập thành văn bản và người làm chứng phải ký vào bản di chúc trước mặt người có thẩm quyền chứng thực, tuy nhiên di chúc chỉ có điểm chỉ của cụ N1 không có người làm chứng ký, nên di chúc vi phạm khoản 2 Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nội dung di chúc: Di chúc đã ghi đầy đủ nội dung, cụ N1 là người để lại di sản đã điểm chỉ vào di chúc, tuy nhiên chưa điểm chỉ vào các trang còn lại, di chúc chưa đánh số thứ tự các trang, nên vi phạm khoản 2 Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005

Về thủ tục chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã; Người thực hiện chứng thực không ghi số giấy tờ tùy thân của người yêu cầu chứng thực là vi phạm khoản 3 Điều 17 Nghị định 79/2007/ NĐ - CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

Xác định di chúc của cụ N1 là không hợp pháp, không chấp nhận yêu cầu của Bà Đ chia thừa kế theo di chúc.

Di chúc không hợp pháp, nên chia theo pháp luật, thửa đất của cụ N1 có lần sang thửa của ông H125m² và lần ra đường xóm 46m², các đương sự thống nhất cắt trả ông H125m², nên cần lấy diện tích 236m² để giải quyết vụ án. Cụ N1 có 04 người con, ông H1 bà M từ chối nhận di sản thừa kế, nên đề nghị chia cho Bà Đ và bà N mỗi người $\frac{1}{2} \cdot 236 : 2 = 118\text{m}^2$ (tương đương 236.000.000đồng). Bà Đ tuổi cao, có đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bà Đ, bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 24/7/2023 ông Nguyễn Hải H1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M2 và Nguyễn Thị N, những người làm chứng vắng mặt lần thứ nhất, trong đó ông H1 và bà M và những người làm chứng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt không có lý do, nên HĐXX đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa này ông H1, bà M và bà N và những người làm chứng tiếp tục vắng mặt, bà N không có lý do, nên HĐXX căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 229 xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đề nghị Tòa án chia thừa kế thừa 260 theo di chúc, bị đơn ông Nguyễn Hải H1 không nhất trí chia theo di chúc, đề nghị chia theo pháp luật, theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

[3] Về nguồn gốc thửa đất 260, nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan đều xác định sau khi cụ K mất, cụ N1 mang các con về quê xã YP sinh sống, do không có nơi ở nên được địa phương cấp cho một thửa đất, cấp trước năm 1980, ý kiến của

các đương sự phù hợp với bản đồ 299, theo Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự không phải chứng minh, nên HĐXX xác định thửa đất 260 là tài sản riêng của cụ Đỗ Thị N1,

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Đỗ Thị N1 mất năm 2021, năm 2022 Bà Đ nộp đơn khởi kiện chia thừa kế, theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về hàng thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng xác nhận cụ Đỗ Thị N1 và cụ Nguyễn Văn K sinh được 03 người con gồm: Bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Hải H1, sau khi cụ K chết, cụ N1 sinh một người con riêng là bà Nguyễn Thị M2, hai cụ không nhận ai làm con nuôi, sự thừa nhận này của các đương sự phù hợp với sự cung cấp của chính quyền địa phương, nên theo điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 là bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Hải H1 và bà Nguyễn Thị M2.

[6] Về di sản thừa kế: Theo bản đồ lập năm 1993, tờ bản đồ số 02 thì thửa 260 diện tích 236m² do cụ Đỗ Thị N1 đứng tên quyền sử dụng, thửa 261 diện tích 365m² do ông Nguyễn Hải H1 đứng tên quyền sử dụng, năm 1996 cụ N1 và ông H1 đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bản đồ lập năm 2005 và 2015 tờ bản đồ số 26 thửa 106 diện tích 307m² do cụ Đỗ Thị N1 đứng tên quyền sử dụng, tăng 71m², thửa 107 diện tích 340m² do ông Nguyễn Hải H1 đứng tên, giảm 25m². HĐXX xét thấy giữa hai thửa 106 và 107 không có mốc giới, hàng rào phân định, khi đo đạc đã đo chồng lấn giữa hai thửa, quá trình giải quyết các đương sự cùng có ý kiến cắt trả thửa 107 của ông Nguyễn Hải H1 25m², do vậy xác định thửa 106 còn 282m² trong đó có 236m² đất hợp pháp còn 46m² tăng, nhưng sử dụng trước ngày 01/7/2013.

[7] Xét di chúc. Di chúc đề ngày 24/8/2011, trong di chúc có điểm chỉ của cụ N1 và có chứng thực của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Yên Phú. HĐXX xét thấy, cụ N1 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung di chúc và người soạn thảo, chứng thực di chúc xác định khi lập di chúc cụ N1 H1 toàn minh mẫn, tinh táo, sáng suốt, không bị lừa dối, ép buộc, di chúc phù hợp với Điều 647, khoản 1 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ N1 đã trực tiếp đến UBND xã YP, công bố nội dung di chúc với cán bộ tư pháp xã và được cán bộ tư pháp xã YP ghi chép, soạn thảo thành văn bản, sau khi soạn thảo đã đọc lại nội dung bản di chúc cho cụ N1 nghe, cụ N1 xác định nội dung di chúc đúng với ý chí của cụ. Cụ N1 không biết chữ, nhưng cụ N1 nói được, nghe được, điểm chỉ được, không bị hạn chế năng lực hành vi, cụ N1 đã trực tiếp điểm chỉ trước mặt cán bộ tư pháp và Phó Chủ tịch UBND xã YP, được Phó Chủ

tịch UBND xã YP ký chứng thực ngay sau khi cụ N1 điểm chỉ, nên thủ tục trình tự lập di chúc phù hợp với Điều 658 Bộ luật dân sự.

Cụ N1 không biết chữ, nhưng cụ N1 nghe được, di chúc do các bộ công chức của xã soạn thảo theo yêu cầu của cụ N1 việc cán bộ tư pháp xã YP ký làm chứng hay không ký làm chứng, không làm ảnh hưởng đến nội dung di chúc, không làm thay đổi ý chí của cụ N1 trong việc chỉ định người hưởng di sản của cụ. Nội dung di chúc đã ghi rõ đầy đủ tên tuổi địa chỉ của cụ N1 ghi rõ người hưởng di sản, vị trí di sản của cụ, mặc dù di chúc không đánh số trang, cụ N1 không điểm chỉ từng trang, nhưng sau khi cụ N1 điểm chỉ đã được Phó Chủ tịch UBND xã YP chứng thực và di chúc đã được đóng dấu giáp lai các trang bằng dấu của UBND xã Yên Phú, nên nội dung di chúc phù hợp với Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005.

Mặt khác lý do cụ N1 lập di chúc cho bà Nguyễn Thị Đ hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất số 260 của cụ là do năm 2010 trong gia đình cụ N1 có mâu thuẫn, không ai chăm sóc phụng dưỡng cụ N1 ông H1 là con trai duy nhất cùng ở với cụ, nhưng không nhận trách nhiệm phụng dưỡng cụ, Bà Đ đã nhận trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cụ N1 hàng ngày, cũng như lúc ốm đau, bệnh tật, do vậy cụ N1 mới lập di chúc cho Bà Đ hưởng thừa kế toàn bộ di sản của cụ, điều này phù hợp với đạo đức xã hội, vì vậy nội dung di chúc có điều kiện với Bà Đ “...con gái Nguyễn Thị Đ phải chăm sóc ăn uống cho tôi đến khi tôi chết”, những người làm chứng xác nhận cụ N1 sinh sống một mình, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày, cũng như lúc ốm đau, bệnh tật đều do Bà Đ cùng các con, cháu của bà lo liệu, chi phí, tắm giặt cho cụ N1, Nên xác định bà bà Nguyễn Thị Đ đã thực hiện đúng với điều kiện của cụ N1 đặt ra trong bản di chúc.

Từ các nhận định trên xác định di chúc lập ngày 24/8/2011 của cụ Đỗ Thị N1 là có hiệu lực pháp luật toàn bộ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, chia di sản thừa kế của cụ N1 theo Di chúc, không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[8] Về hiện trạng đất. Theo trích đo hiện trạng thửa 106 diện tích 307m², do thửa 106 và 107 không có mốc giới, nên khi lập bản đồ gia đình chỉ sai mốc giới, do vậy thửa 106 có một phần góc nhà cấp 4, đã chồng lấn sang thửa 107 diện tích 25m², do vậy nay cắt trả thửa 107 25m² diện tích hợp pháp 236m², diện tích tăng 46m², giao toàn bộ cho bà Đ, Bà Đ có trách nhiệm trả ông Nguyễn Hải H1 giá trị bức tường rào 20.000.000đồng

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, có điều kiện khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn toàn bộ án phí cho Bà Đ .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ vào:

Khoản 5 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227; 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 634; 646; 647; 648; 649; 650; 652; 653; 657; 658 Bộ luật dân sự năm 2005

Điều 612; 613; 614; 624; 625; 628; 630; 631; 636; 643 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Xác định di chúc của cụ Đỗ Thị N1 lập ngày 24 tháng 8 năm 2011 có hiệu lực pháp luật toàn bộ.

3/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị Đ.

4/ Cắt 25m² từ thửa 106, tờ bản đồ số 26 do cụ Đỗ Thị N1 đứng tên quyền sử dụng trả cho thửa 107, tờ bản đồ số 26 lập năm 2005 chỉnh lý năm 2015 do ông Nguyễn Hải H1 đứng tên quyền sử dụng.

5/ Giao cho bà Nguyễn Thị Đ được quản lý, sử dụng 236m², tạm giao Bà Đ quản lý sử dụng 46m² thửa 106, tờ bản đồ số 26, đo đạc năm 2005 chỉnh lý năm 2015 tại Thôn T, xã YP, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (có sơ đồ kèm theo)

6/ Bà Nguyễn Thị Đ phải trả ông Nguyễn Hải H1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) giá trị bức tường rào. Ông Nguyễn Hải H1 có trách nhiệm di dời cây trồng, tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng và bàn giao trả bà Nguyễn Thị Đ 282m² đất ở thửa 106, tờ bản đồ số 26, đo đạc năm 2005 chỉnh lý năm 2015 tại Thôn T, xã YP, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/ Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1, 2 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

8/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã YP, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)
Ngô Xuân Quỳnh